TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ Q** **TỈNH QUẢNG NINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2023/DS-ST.
Ngày: 29/3/2023
V/v "Tranh chấp thừa kế tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ Q- TỈNH QUẢNG NINH

***-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phan Hùng.

Hội thẩm nhân dân: ông Nguyễn Văn Bốn, ông Đàm Chí Thân

-Thư ký phiên toà: Bà Mai Thùy Dung - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Q - Quảng Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Q- Tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa: ông Nguyễn Đăng Viện, Kiểm sát viên

Trong ngày 29/3/2023 tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 50/2021/TLST-DS ngày 16/11/2021 về việc: "*Tranh chấp thừa kế tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2022/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 10 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 18A/2022/QĐST- DS ngày 10/11/2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 21/2022/QĐST- DS ngày 25/11/2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 23/2022/QĐST- DS ngày 28/12/2022; Thông báo về việc thay đổi thời gian xét xử vụ án số 03/2023/TB-TA ngày 13/01/2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2023/QĐST- DS ngày 17/01/2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2023/QĐST –DS ngày 15/02/2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2023/QĐST –DS ngày 07/3/2023 giữa các đương sự:

-*Nguyên đơn:* bà Đặng Thị P, sinh năm 1966.

Nơi cư trú: khu 5, phường H, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh. Có mặt tại phiên tòa

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: ông Hoàng Mạnh P, sinh năm 1956. Nơi cư trú: số 38,40,42, phố L, phường Q, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh. Có mặt tại phiên tòa.

- *Bị đơn*: bà Đặng Thị M, sinh năm 1955;

Nơi cư trú: khu 4, phường P, thị xã Q , tỉnh Quảng Ninh. Có mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Đặng Thị L, sinh năm 1953. Nơi cư trú: hẻm 420/2/6 N, khu B 1, phường A, thị xã D, tỉnh B (đã chết ngày 01/11/2022).

Bà Đặng Thị Y, sinh năm 1963.

Nơi cư trú: khu 5, phường P, thị xã Q , tỉnh Quảng Ninh. Có mặt tại phiên tòa.

Bà Đặng Thị Q, sinh năm 1970

Nơi cư trú: khu 3, phường P , thị xã Q , tỉnh Quảng Ninh. Có mặt tại phiên tòa khi xét xử, vắng mặt khi tuyên án.

Ông Hà Đức N, sinh năm 1957.

Nơi cư trú: khu 4, phường P , thị xã Q , tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt tại phiên tòa (đã được Tòa án triệu tập hợp lệ)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và lời khai của nguyên đơn bà Đặng Thị P trình bày: Bố mẹ tôi là ông Đặng Văn Nhít và bà Nguyễn Thị Quỳnh sinh được 07 người con là Đặng Thị L, Đặng Thị Y, Đặng Thị M, Đặng Thị Q, Đặng Văn M, Đặng Văn V và tôi là Đặng Thị P.

Năm 1986, bố tôi mất. Năm 1995, mẹ tôi mất. Bố mẹ tôi có để lại cho các anh chị em 01 thửa đất có diện tích 192 m^2 và 01 ngôi nhà gỗ. Sau đó gia đình tôi thống nhất bán lại cho bà Nguyễn Thị Thơi là 139 m^2 đất, chỉ còn lại 53 m^2 đất và 01 ngôi nhà trên đất. Năm 2002, thửa đất trên đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên 02 em trai tôi là Đặng Văn V và Đặng Văn M. Bố mẹ tôi trước khi mất (năm 1986) còn mua 64 m^2 đất ao của ông Nguyễn Văn Trừng ở cạnh nhà và san lấp đất, xây công trình phụ, nhà bếp đầy đủ nhưng phần đất trên chưa được cấp giấy CNQSDĐ.

Năm 2003, em trai tôi là Đặng Văn M chết; năm 2012, em Đặng Văn V chết. Chúng tôi thống nhất cho thuê căn nhà trên để lấy tiền mua đất, xây mộ cho bố mẹ và hai em trai. Hiện tại căn nhà trên đang cho anh Vũ Văn Hào thuê kinh doanh sửa xe máy. Quan điểm của tôi và chị Lan, chị Yến, chị Quý muốn bán nốt phần nhà đất còn lại là 53 m^2 đất và 01 ngôi nhà trên đất cùng với phần diện tích 37,5 m^2 đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để lấy tiền lo việc xây mộ cho bố mẹ và các em. Tài sản trên là tài sản thừa kế của bố mẹ và hai em tôi để lại.đương nhiên phải chia đều cho tất cả mọi người. Nay tôi khởi kiện đề nghị Tòa án chia di sản thừa kế mà bố mẹ để lại theo pháp luật là 90,5 m^2 đất và 01 ngôi nhà trên đất khoảng 33,2 m^2 tại thửa đất số 129, tờ bản đồ P12; địa chỉ: khu 4 phường Phong Hải, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh cho 5 người con. Tôi đồng ý với biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 13/4/2022; biên bản định giá tài sản ngày 17/5/2022 và trích đo hiện trạng sử dụng đất do Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thị xã Q cung cấp. Nếu không chia được bằng đất thì có thể thanh toán bằng tiền mặt theo giá tại biên bản của hội đồng định giá ngày 17/5/2022.

-Bị đơn bà Đặng Thị M trình bày: bố mẹ tôi là ông Đặng Văn Nhít và bà Nguyễn Thị Quỳnh sinh được 07 người con là Đặng Thị L, Đặng Thị Y, Đặng Thị M, Đặng Thị Q, Đặng Văn M, Đặng Văn V và Đặng Thị P. Năm 1986, bố tôi mất.

Năm 1995, mẹ tôi mất. Bố mẹ tôi có để lại cho các anh chị em 01 thửa đất có diện tích 192 m^2 và 01 ngôi nhà gỗ. Sau đó gia đình tôi thống nhất bán lại cho bà Nguyễn Thị Thơi là 139 m^2 đất được 150.000.000 đồng đã chia tiền đều cho các chị em, chỉ còn lại 53 m^2 đất và 01 ngôi nhà trên đất. Năm 2002, thửa đất trên đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên 02 em trai tôi là Đặng Văn V và Đặng Văn M. Bố mẹ tôi trước khi mất (năm 1986) còn mua 64 m^2 đất ao của ông Nguyễn Văn Trừng ở cạnh nhà và san lấp đất, xây công trình phụ, nhà bếp đầy đủ nhưng phần đất trên chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Năm 2003, em tôi là Đặng Văn M chết; năm 2012, em Đặng Văn V chết.
Chúng tôi thống nhất cho thuê căn nhà trên để lấy tiền mua đất, xây mồ mả cho bố mẹ và hai em trai. Hiện tại căn nhà trên đang cho anh Vũ Văn Hào thuê kinh doanh.
Nay chị Đặng Thị P khởi kiện đề nghị Tòa án chia di sản thừa kế mà bố mẹ để lại theo pháp luật là 90,5 m^2 đất và 01 ngôi nhà trên đất khoảng 33,2 m^2 tại thửa đất số 129, tờ bản đồ P12; địa chỉ: khu 4, phường Phong Hải, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh cho 5 người con, nếu không chia được bằng đất thì có thể thanh toán bằng tiền mặt theo giá thị trường, tôi hoàn toàn đồng ý. Tôi đồng ý với biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 13/4/2022, biên bản định giá tài sản ngày 17/5/2022 và trích đo hiện trạng sử dụng đất do Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thị xã Q cung cấp.

-*Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan*:

Bà Đặng Thị Y có quan điểm thống nhất với quan điểm của nguyên đơn bà Đặng Thị P

Ông Hà Đức N, bà Đặng Thị Q có quan điểm thống nhất với quan điểm của bị đơn bà Đặng Thị M.

Bà Đặng Thị L trình bày trong bản tự khai như sau:

Bố mẹ tôi là ông Đặng Văn Nhít và bà Nguyễn Thị Quỳnh sinh được 07 người con là tôi Đặng Thị L, Đặng Thị Y, Đặng Thị M, Đặng Thị Q, Đặng Văn M, Đặng Văn V và Đặng Thị P.

Năm 1986, bố tôi mất. Năm 1995, mẹ tôi mất. Bố mẹ tôi có để lại cho các anh chị em 01 thửa đất có diện tích 192m^2 và 01 ngôi nhà gỗ. Sau đó gia đình tôi thống nhất bán lại cho bà Nguyễn Thị Thơi là 139 m^2 đất, chỉ còn lại 53 m^2 đất và 01 ngôi nhà trên đất. Năm 2002, thửa đất trên đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên 02 em trai tôi là Đặng Văn V và Đặng Văn M. Bố mẹ tôi trước khi mất (năm 1986) còn mua 64 m^2 đất ao của ông Nguyễn Văn Trừng ở cạnh nhà và san lấp đất, xây công trình phụ, nhà bếp đầy đủ nhưng phần đất trên chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Năm 2003, em trai tôi là Đặng Văn M chết; năm 2012, em Đặng Văn V chết. Chị em chúng tôi thống nhất cho thuê căn nhà trên để lấy tiền mua đất, xây mồ mả cho bố mẹ và hai em trai. Hiện tại căn nhà trên đang cho anh Vũ Văn Hào thuê kinh doanh sửa xe máy.
Quan điểm của tôi và các chị em muốn bán nốt phần nhà đất còn lại là 53 m^2 đất và 01 ngôi nhà trên đất cùng với phần diện tích 64 m^2 đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để lấy tiền lo việc xây mộ cho bố mẹ và các em nhưng bà Đặng Thị M và chồng là ông Hà Đức N cố tình gây khó dễ, không đồng

ý. Tài sản trên là tài sản thừa kế của bố mẹ tôi để lại đương nhiên phải chia đều cho tất cả mọi người nhưng ông Nguyên, bà Miến lại có ý định chiếm giữ tất cả. Nay tôi đã già yếu, đi lại khó khăn vì tôi sống trong miền Nam, dịch bệnh Covid đang bùng phát, tôi có quan điểm như sau: tôi từ chối nhận phần di sản thừa kế của mình, tôi không có ý kiến gì khác, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

-*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn*: ông Hoàng Mạnh P có quan điểm đồng ý với quan điểm của nguyên đơn bà Đặng Thị P.

Anh Vũ Văn Hào trình bày: anh Hào có thuê căn nhà khoảng 50 m^2 của gia đình ông Hà Đức N ở khu 4 phường Phong Hải, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh để sửa chữa xe máy. Hàng tháng anh Hào vẫn trả đủ tiền cho gia đình ông Nguyên. Trường hợp ngôi nhà anh Hào thuê phải giao lại cho người khác, anh đồng ý và không có ý kiến gì. Anh Hào từ chối tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ trong vụ án.

Ngày 13/4/2022, Tòa án đã tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ đối với thửa đất số 129 a, tờ bản đồ P12 và tài sản trên đất thể hiện:

Hiện trạng sử dụng đất, tài sản trên đất gồm có:

01 ngôi nhà 1 tầng, tường gạch, mái bằng, trên có 01 tum tường gạch, cửa gỗ phía sau, cửa sắt phía trước. Diện tích xây dựng là 33,2 m^2 (xây dựng năm 2004)

01 nhà bếp, tường gạch, cửa gỗ, có diện tích là 6 m^2, xây năm 2003 (nhà phụ số 1). 01 bể nước hình chữ nhật, chiều dài là 2,96 m; chiều rộng 1,68 m. 01 nhà tắm xây tường gạch, mái bằng có diện tích 2,5 m^2(nhà phụ số 2); 01 nhà vệ sinh tường gạch, cửa gỗ có diện tích 3,2 m^2(nhà phụ số 3). 01 sân xi-măng phía trước cửa, dài 4,14 m; rộng 3 m^2. 01 mái tôn, diện tích 12,42 m^2.

Vị trí tứ cận: phía Bắc giáp nhà bà Dương Thị Nhện; phía Tây Nam giáp thửa đất số 176, nhà ông Lê Văn Phòng; phía Đông giáp thửa đất số 129 b, nhà bà Nguyễn Thị Thơi; phía nam giáp đường trục liên phường.

Về đất: thửa đất số 129 a, tờ bản đồ số P12 (tương ứng với thửa mới số 128, tờ bản đồ số 57) được gia đình quản lý, sử dụng diện tích 90,5 m^2. Trong đó: phần diện tích theo Giấy chứng nhận đã cấp là 53 m^2. Phần diện tích tăng thêm do sai số đo đạc là 37.5 m^2.

Tại biên bản định giá ngày 17/5/2022 xác định:

-Về đất: đối với phần diện tích đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có giá trị là: 53 m^2 x 6.000.000 đồng x 1,5 = 477.000.000 đồng.

Đối với phần diện tích chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, trên đất có công trình đã được xây dựng; được xác định là đất ở có giá trị là: 37,5 m^2 x 6.000.000 đồng x 1,5 = 337.000.000 đồng

-Về tài sản trên đất:

+01 ngôi nhà mái bằng bê tông cốt thép, 01 tầng; có 01 gác xép bê tông cốt thép, có cầu thang Diện tích là 33,2 m^2. Nhà xây dựng năm 2004, đã khấu hao hết 72% còn lại 28%, có giá là 40.797.219 đ (bốn mươi triệu, bảy trăm chín mươi bảy nghìn, hai trăm mười chín đồng).

+Nhà phụ số 1 (nhà bếp), có diện tích là 6 m^2 xây năm 2003, đã hết khấu hao; có giá là 2.597.307 đ (hai triệu, năm trăm chín mươi bảy nghìn, ba trăm linh bảy đồng).

+Nhà phụ số 2 (nhà tắm) xây năm 2003, có diện tích 2,5 m^2đã hết khấu hao; có giá là 1.082.211 đ (một triệu không trăm tám mươi hai nghìn hai trăm mười một đồng)

+Nhà phụ số 3 (nhà vệ sinh) xây năm 2003, có diện tích 3,2 m^2 đã hết khấu hao; có giá là 1.385.230 đồng (một triệu ba trăm tám mươi lăm nghìn hai trăm ba mươi đồng)

+Bể nước xây năm 2004, thế tích 10 m^3, đã hết khấu hao; có giá là 3.029.930 đồng (ba triệu, không trăm hai chín nghìn, chín trăm ba mươi đồng)

+01 sân xi-măng phía trước cửa, dài 4,14 m; rộng 3 m, 01 mái tôn, diện tích 12,42 m^2 đương sự không yêu cầu định giá.

Tổng giá trị đất và tài sản trên đất là 863.391.897 đ (tám trăm sáu mươi ba triệu, ba trăm chín mươi mốt nghìn, tám trăm chín mươi bảy đồng).

Biên bản xác minh ngày 15/4/2022 của Tòa án nhân dân thị xã Q như sau: Tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 13/4/2022, thể hiện: thửa đất số 129 a (thửa mới 128); tờ bản đồ P12 (tờ mới 57) do gia đình bà Đặng Thị M quản lý, sử dụng diện tích 90,5 m^2. Trong đó: phần diện tích đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 12/12/2003, số vào sổ 40574, mang tên hộ ông Đặng Văn V là 53 m^2 (đất ở), phần diện tích tăng thêm 37,5 m^2 do sai số đo đạc giữa bản đồ địa chính đo năm 1996 và bản đồ địa chính đo năm 2014; phần diện tích tăng thêm 37,5 m^2 là đất ở. Phần diện tích tăng thêm 37,5 m^2 không tranh chấp với các hộ liền kề, tại thời điểm hiện tại thửa đất không nằm trong quy hoạch nào có thông báo thu hồi đất.

Tại biên bản xác minh của Ủy ban nhân dân phường Phong Hải đối với thửa đất số 129 a (thửa mới 128); tờ bản đồ P12 (tờ mới 57) tại khu 4 phường Phong Hải, thị xã Q; qua xác minh các hộ giáp ranh liền kề ông bà Vũ Văn Thanh, Dương Thị Nhẹn; ông bà Lê Văn Phòng, Ngô Thị Thấm; bà Nguyễn Thị Thơi thì thửa đất ở của hộ ông Đặng Văn V giáp ranh liền kề với thửa đất của các ông bà. Ông Đặng Văn V ở và sử dụng từ thời ông cha để lại cho đến nay đúng theo hiện trạng sử dụng đất, không có tranh chấp và không chồng lấn sang đất ở liền kề của các gia đình. Phần diện tích tăng thêm 37,5 m^2 là do sai số đo đạc giữa bản đồ địa chính năm 1996 và bản đồ địa chính đo đạc năm 2014 có sự sai số về kích thước cạnh của thửa đất theo đúng bản trích đo hiện trạng sử dụng đất. Phần diện tích tăng 37,5 m^2 từ sau thành lập bản đồ địa chính năm 1996 không thay đổi vẫn giữ nguyên hiện trạng từ đó đến nay, không có tranh chấp, do sai số đo đạc về kích

thước cạnh dẫn đến việc cấp thiếu diện tích đất ở theo hiện trạng sử dụng đất của gia đình ông Đặng Văn V đang sử dụng.

Kế quả xác minh đối với đất số 129 a (thửa mới 128); tờ bản đồ P12 (tờ mới 57), diện tích 53 m^2 tai khu 4 phường Phong Hải đã được Ủy ban nhân dân thị xã Q cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 12/12/2003, số vào sổ 40574, mang tên ông Đặng Văn V. Hiện nay gia đình đang quản lý, sử dụng diện tích 90,5 m^2 (trong đó diện tích đã được cấp Giấy chứng nhận quyề sử dụng đất 53 m^2 , diện tích tăng thêm 37, 5 m^2 là do sai số đo đạc về kích thước cạnh, không chồng lấn sang đất ở của các hộ liền kề. Phần diện tích tăng 37,5 m^2 gia đình sử dụng sau ngày thành lập bản đồ địa chính năm 1996 cho đến nay, không có tranh chấp.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Đặng Thị P yêu cầu chia di sản thừa kế theo quy định của pháp luật cho 4 người là Đặng Thị Y; Đặng Thị P: Đặng Thị Q và Đặng Thị M (bà Đặng Thị L từ chối nhận di sản thừa kế và đã chết ngày 02/11/2022). Di sản thừa kế ông Đặng Văn V, ông Đặng Văn M để lại gồm:

Về đất: thửa đất số 129 a, tờ bản đồ P12 (tương ứng với thửa mới số 128, tờ bản đồ số 57). Trong đó: phần diện tích theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp là 53 m^2. Phần diện tích tăng thêm do sai số đo đạc là 37.5 m^2**.** Tổng diện tích là 90,5 m^2.

Tài sản trên đất: 01 ngôi nhà mái bằng, bê tông cốt thép 01 tầng, có một gác xép bê tông cốt thép, có cầu thang. Diện tích xây dựng là 33,2 m^2 (xây dựng năm 2004) có giá là 40.797.219 đ (bốn mươi triệu bảy trăm chín mươi bảy nghìn hai trăm mười chín đồng). Và phần tài sản trên đất gồm: nhà phụ số 1(nhà bếp) có giá là 2.597.307 đồng; nhà phụ số 2 (nhà tắm) có giá là 1.082.211 đồng; nhà phụ số 3 (nhà vệ sinh) có giá là 1.385.230 đồng; bể nước có giá là 3.029.930 đồng. Bà Đặng Thị P đề nghị Tòa án giao phần tài sản thừa kế ông Vui, ông Mừng để lại cho bà và bà sẽ có trách nhiệm thanh toán tiền cho những người được hưởng thừa kế.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đặng Thị Y đồng ý với ý kiến của nguyên đơn.

Bị đơn bà Đặng Thị M có quan điểm: trong quá trình giải quyết vụ án bà đồng ý với ý kiến của nguyên đơn bà Đặng Thị P chia phần di sản thừa kế của ông Đặng Văn V, Đặng Văn M theo quy định của pháp luật. Nay bà không đồng ý với ý kiến của nguyên đơn bà Đặng Thị P. Bà không nhận quản lý, sử dụng phần di sản thừa kế do hai em bà để lại nữa vì hiện nay bà đã già, sức khỏe yếu, không muốn quản lý như trước đây nữa do có sự hiểu nhầm và không thông cảm nên bà không đồng ý chia di sản thừa kế. Trường hợp phải chia thừa kế theo pháp luật, bà có nguyện vọng chia cho bà một phần để bà làm nơi thờ cúng.

Trong quá trình quản lý, sử dụng tài sản thừa kế do ông Vui, ông Mừng để lại bà và ông Hà Đức N không tôn tao, sửa chữa gì nên bà và ông Nguyên không có yêu cầu gì.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đặng Thị Q không đồng ý với ý kiến của nguyên đơn về việc chia thừa kế phần tài sản ông Đặng Văn V, ông Đặng Văn M để lại.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh phát biểu ý kiến về việc tuân thủ và chấp hành pháp luật Tố tụng dân sự của Thẩm phán,Thư ký phiên tòa; Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Vụ án được thụ lý đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, việc triệu tập những người tham gia tố tụng đã đảm bảo; việc quyết định đưa vụ án ra xét xử đã đảm bảo và có căn cứ. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã làm đầy đủ thủ tục đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đặng Thị P.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn bà Đặng Thị P khởi kiện đối với bị đơn bà Đặng Thị M có nơi ở tại khu 4, phường P, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh yêu cầu chia di sản thừa kế của bố mẹ và hai em để lại theo pháp luật nên vụ án tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án quy định tại khoản 5 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh theo quy định tại khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thời hiệu khởi kiện: ông Đặng Văn M chết năm 2003, ông Đặng Văn V chết năm 2012. Trước khi chết không không lập di chúc. Theo quy định tại Điều 623 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì thời hiệu yêu cầu chia thừa kế với bất động sản là 30 năm kể từ thời điểm mở thừa kế (Thời điểm người để lại di sản thừa kế chết). Vì vậy, tính đến thời điểm khởi kiện, những người thừa kế có quyền khởi kiện chia di sản thừa kế theo quy định của pháp luật.

[3] Về việc thay đổi tư cách người tham gia tố tụng: tại đơn khởi kiện ban đầu, nguyên đơn khởi kiện bà Đặng Thị M, ông Hà Đức N là bị đơn. Sau đó, nguyên đơn thay đổi, bổ sung đơn khởi kiện chỉ khởi kiện bà Đặng Thị M là người cùng hàng thừa kế là bị đơn, rút yêu cầu khởi kiện ông Hà Đức N là bị đơn. Lý do thay đổi vì nguyên đơn không yêu cầu ông Nguyên phải trả số tiền cho anh Vũ Văn Hào thuê nhà hàng tháng. Tòa án đã có thông báo thay đổi tư cách tham gia tố tụng trong vụ án, xác định ông Hà Đức N là người có quyền lợi và nghĩa vụ trong vụ án.

[4] Về nội dung vụ án:

Về nguồn gốc di sản thừa kế: cụ Đặng Văn Nhít và cụ Nguyễn Thị Quỳnh kết hon với nhau sinh được 7 người con gồm: Đặng Thị L, Đặng Thị Y, Đặng Thị P, Đặng Thị Q, Đặng Văn V, Đặng Văn M. Cụ Nhít chết năm 1986, cụ Quỳnh chết năm 1995. Khi chết hai cụ để lại một ngôi nhà trên thửa đất số 129, tờ bản đồ số 12. Ngày 30/12/2002, UBND huyện Yên Hưng, tỉnh Quảng Ninh đã cấp

Giấy CNQSDĐ cho ông Đặng Văn V, Đặng Văn M. Ngày 02/6/2003, ông Đặng Văn M chết. Gia đình bà Đặng Thị P đã đồng ý chuyển nhượng cho bà Nguyễn Thị Thơi 139 m^2 đất. Diện tích đất còn lại là 53 m^2, phần diện tích 53 m^2 đã được cấp Giấy CNQSDĐ cho Đặng Văn V năm 2003.

Di sản thừa kế ông Vui, ông Mừng để lại gồm: 01 ngôi nhà mái bằng, bê tông cốt thép 01 tầng, có một gác xép bê tông cốt thép, có cầu thang. Diện tích xây dựng là 33,2 m^2 (xây dựng năm 2004) có giá là 40.797.219 đ (bốn mươi triệu bảy trăm chín mươi bảy nghìn hai trăm mười chín đồng). Và phần tài sản trên đất gồm: nhà phụ số 1(nhà bếp) có giá là 2.597.307 đồng; nhà phụ số 2 (nhà tắm) có giá là 1.082.211 đồng; nhà phụ số 3 (nhà vệ sinh) có giá là 1.385.230 đồng; bể nước có giá là 3.029.930 đồng và diện tích đất 90,5 m^2 có giá trị là 814.500.000 đ(trong đó có 37.5 m^2 đất ở là phần diện tích đất tăng thêm do sai số đo đạc). Đây là nhà và đất do do ông Đặng Văn M, Đặng Văn V để lại. Khi chết ông Mừng, ông Vui không để lại di chúc; hai ông không có vợ, con chỉ còn 5 người chị gái là Đặng Thị L, Đặng Thị M, Đặng Thị Y, Đặng Thị P, Đặng Thị Q (bà Đặng Thị L không nhận di sản thừa kế, đã chết ngày 01/11/2022).

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, các đương sự đều thừa nhận di sản thừa kế do ông Đặng Văn V, Đặng Văn M để lại là: 01 ngôi nhà 1 tầng, có một gác xép; diện tích là 33,2 m^2 xây dựng trên diện tích đất là 90.5 m^2 và các tài sản trên đất theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 13/4/2022 và biên bản định giá ngày 17/5/2022. Do nguyên đơn và bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không thỏa thuận được việc chia phần di sản của ông Vui, ông Mừng để lại theo quy định của pháp luật cho 5 chị em. Trong đó bà Đặng Thị L từ chối nhận di sản thừa kế. Vì thế, Nguyên đơn yêu cầu chia phần di sản thừa kế do ông Vui, ông Mừng để lại theo biên bản định giá tài sản ngày 17/5/2022 là 863.391.897 đ (tám trăm sáu mươi ba triệu, ba trăm chín mươi mốt nghìn, tám trăm chín mươi bảy đồng) được chia thành 4 phần bằng nhau. Theo đó: một phần thừa kế được hưởng là: 215.847.974 đ (hai trăm mười lăm triệu, tám trăm bốn mươi bảy nghìn, chín trăm bảy mươi tư đồng)

Tại phiên tòa, bà Đặng Thị P đề nghị Tòa án giao phần tài sản thừa kế ông Vui, ông Mừng để lại cho bà quản lý, sử dụng và bà sẽ có trách nhiệm thanh toán tiền cho những người được hưởng thừa kế. Hội đồng xét xử thấy: tại phiên tòa bà Đặng Thị M, bà Đặng Thị Q không nhận quản lý phần di sản thừa kế do ông Vui, ông Mừng để lại. Do phần di sản thừa kế ông Vui, ông Mừng để lại không chia bằng hiện vật được. Hội đồng xét xử thấy cần giao cho bà Đặng Thị P quyền quản lý, sử dụng diện tích 90,5 m^2 đất. Trong đó có 53 m^2 đất, tại tờ bản đồ số P12 (tờ mới 57), thửa số 129 a (thửa mới 128) mang tên ông Đặng Văn V tại xóm Đồng Nội, xã Phong Hải, huyện Yên Hưng, tỉnh Quảng Ninh (nay là khu 4, phường P, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh) đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện Yên Hưng, tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 12/12/2003 và 37, 5 m^2 đất chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và sở hữu phần công trình trên đất gồm: nhà phụ số 1(nhà bếp); nhà phụ số 2 (nhà tắm); nhà phụ số 3 (nhà vệ sinh); bể nước; mái tôn; sân xi-măng. Bà Đặng Thị P phải thanh toán cho

bà Đặng Thị M, Đặng Thị Yến; Đặng Thị Q mỗi người một kỷ phần thừa kế số tiền là: 215.847.974 đ (hai trăm mười lăm triệu, tám trăm bốn mươi bảy nghìn, chín trăm bảy mươi tư đồng)

Ông Hà Đức N, bà Đặng Thị M đang quản lý, sử dụng ngôi nhà và các công trình trên đất của ông Đặng Văn V, Đặng Văn M để lại nhưng không tôn tạo, tu sửa phần nhà và các công trình trên đất nên hai người không có yêu cầu gì.

[4] Về chi phí thẩm định, định giá:

Đối với số tiền thẩm định và định giá tài sản là 8.390.000 đồng nguyên đơn bà Đặng Thị P đã nộp tạm ứng. Tại phiên tòa bà Phiến tự nguyện chịu và không yêu cầu bị đơn và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án phải nộp nên Hội đồng xét xử không xét.

[5]. Về án phí dân sự sơ thẩm: các đương sự phải chịu án phí sơ thẩm tương ứng đối với phần giá trị tài sản thừa kế được hưởng theo quy định của pháp luật.

Đối với bà Đặng Thị M, sinh năm 1955; bà Đặng Thị Y, sinh ngày 01/01/1963 là người cao tuổi, có đơn xin miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm. Theo quy định tại Điều 2 Luật người cao tuổi và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án nên bà Đặng Thị M, bà Đặng Thị Y không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm.

[6] Về việc xét xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hà Đức N: Tòa án đã tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa cho ông Hà Đức N. Tại phiên tòa sơ thẩm, ông Nguyên vắng mặt không có lý do nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vắng mặt ông Hà Đức N

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 649; Điều 650; Điều 651; Điều 660 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ khoản 5 Điều 26; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 103 Luật Đất đai năm 2013; điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu chia thừa kế của nguyên đơn bà Đặng Thị P về việc chia di sản thừa kế theo quy định pháp luật.

Giao cho bà Đặng Thị P được quyền quản lý, sử dụng diện tích đất là 90.5 m^2. Trong đó có 53 m^2 đất, tại tờ bản đồ số P12 (tờ mới 57), thửa số 129 a (thửa mới 128) mang tên ông Đặng Văn V tại xóm Đồng Nội, xã Phong Hải, huyện Yên

Hưng, tỉnh Quảng Ninh (nay là khu 4, phường P, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh) đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện Yên Hưng, tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 12/12/2003 và 37, 5 m^2 đất ở chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Và quyền sở hữu tài sản trên đất gồm: 01 ngôi nhà mái bằng bê tông cốt thép, 01 tầng; có 01 gác xép bê tông cốt thép, có cầu thang, diện tích là 33,2 m^2. 01nhà phụ số 1 (nhà bếp), có diện tích là 6 m^2; nhà phụ số 2 (nhà tắm), có diện tích 2,5 m^2;01 nhà phụ số 3 (nhà vệ sinh), có diện tích 3,2 m^2; 01bể nước, thế tích 10 m^3; 01 sân xi-măng diện tích 12,42 m^2; 01 mái tôn, diện tích 12,42 m^2 (có sơ đồ kèm theo)

Bà Đặng Thị P có trách nhiệm thanh toán cho bà Đặng Thị M số tiền: 215.847.974 đ (hai trăm mười lăm triệu, tám trăm bốn mươi bảy nghìn, chín trăm bảy mươi tư đồng); thanh toán cho bà Đặng Thị Y số tiền: 215.847.974 đ (hai trăm mười lăm triệu, tám trăm bốn mươi bảy nghìn, chín trăm bảy mươi tư đồng); thanh toán cho bà Đặng Thị Q số tiền: 215.847.974 đ (hai trăm mười lăm triệu, tám trăm bốn mươi bảy nghìn, chín trăm bảy mươi tư đồng).

Về án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo:

Bà Đặng Thị P phải nộp án phí dân sự sơ thẩm số tiền: 10.792.000 đ (mười triệu, bảy trăm chín mươi hai nghìn đồng)

Bà Đặng Thị Q phải nộp án phí dân sự sơ thẩm số tiền: 10.792.000 đ (mười triệu, bảy trăm chín mươi hai nghìn đồng)

Bà Đặng Thị Y, bà Đặng Thị M không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Trần Thị Phiến đã nộp tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số tiền 6.000.000 đ (sáu triệu đồng) tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 0010046 ngày 16/11/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh. Nay bà Trần Thị Phiến phải nộp thêm án phí dân sự sơ thẩm số tiền 4.792.000 đ (bốn triệu, bảy trăm chín mươi hai nghìn đồng)

Nguyên đơn bà Đặng Thị P, bị đơn bà Đặng Thị M; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Đặng Thị Y được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Hà Đức N, bà Đặng Thị Q được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 375, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Toà án ND tỉnh Quảng Ninh;
- Viện KSNDTX Q;
- Các đương sự;
- Chi cục THATX Q;
- Lưu hồ sơ; văn phòng;

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Phan Hùng